

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
1	2	3	4
Tổng số thu	762.276.000	Tổng số chi	762.276.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	11.283.307	I. Chi đầu tư phát triển	66.901.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	11.093.000	II. Chi thường xuyên	662.361.693
III. Thu bổ sung	734.685.693	III. Nguồn tăng thu	2.829.307
- Bổ sung cân đối ngân sách	734.685.693	IV. Nguồn CCTL	14.684.000
- Bổ sung có mục tiêu	-	V. Dự phòng ngân sách	15.500.000
IV. Thu chuyển nguồn	5.214.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP được hưởng
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN: I+II+III	770.500.000	762.276.000
I	THU NỘI ĐỊA	30.600.307	22.376.307
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	0	0
-	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	16.350.000	8.126.000
-	Thuế giá trị gia tăng	16.350.000	8.126.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	0	0
-	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	0	0
-	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước		
5	Thuế thu nhập cá nhân	0	0
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0
7	Lệ phí trước bạ	2.967.000	2.967.000
8	Thu phí, lệ phí	2.267.307	2.267.307
-	Phí và lệ phí trung ương		0
-	Phí và lệ phí tỉnh		0
-	Phí và lệ phí huyện		0
-	Phí và lệ phí xã, phường	2.267.307	2.267.307
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.200.000	8.200.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	0
12	Thu tiền sử dụng đất	0	0
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	
14	Thu khác ngân sách	816.000	816.000
II	THU CHUYỂN NGUỒN	5.214.000	5.214.000
III	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	734.685.693	734.685.693

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	762.276.000	66.901.000	695.375.000
1	Chi sự nghiệp kinh tế; VH-TT-TD-TT; Phát thanh TH	136.980.682	52.801.000	84.179.682
2	Chi sự nghiệp môi trường	15.000.000		15.000.000
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT	345.471.511		345.471.511
4	Chi sự nghiệp y tế	6.855.000		6.855.000
5	Chi đảm bảo xã hội	24.331.000		24.331.000
6	Chi quản lý hành chính	151.113.467		151.113.467
7	Chi an ninh	14.198.909	2.400.000	11.798.909
8	Chi quốc phòng	18.887.115		18.887.115
9	Chi khác	4.725.000		4.725.000
10	Nguồn tăng thu	2.829.307		2.829.307
11	Nguồn Cải cách tiền lương	14.684.000		14.684.000
12	Dự phòng ngân sách	27.200.000	11.700.000	15.500.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM THEO PHÂN CẤP CỦA TỈNH NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số			158.998.923		71.972.375		71.972.375		55.201.001	
1	Công trình chuyển tiếp			148.742.923		71.972.375		71.972.375		49.812.410	
1.1	Xây dựng hoa viên khu Fafim cũ phường Tân Đồng	2024-2025	3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	800.000		43.159		43.159		700.000	
1.2	Sửa chữa hội trường UBND phường Tân Đồng	2024-2025	2370/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.660.000		996.000		996.000		600.000	
1.3	Xây dựng đường vào nhà văn hoá khu phố 5, phường Tân Đồng	2024-2025	3224/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.800.000		-		-		12.900.000	
1.4	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	2022-2024	2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.500.000		4.294.914		4.294.914		500.000	
1.5	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Tân Đồng	2024-2025	3206/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200.000		-		-		3.000.000	
1.6	Sửa chữa hội trường, sân bê tông và trụ sở làm việc UBND phường Tân Thiện	2024-2025	2569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5.000.000		1.825.927		1.825.927		2.100.000	
1.7	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm từ đường QH số 2 đến suối Cạn, phường Tân Thiện	2023-2024	2474/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.440.000		2.653.000		2.653.000		1.501.000	
1.8	Sửa chữa hội trường B - UBND phường Tân Bình	2024-2025	2542/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.620.000		476.942		476.942		900.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.9	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm 585 (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Võ Văn Tần), phường Tân Bình	2023-2024	2420/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.675.000		4.174.000		4.174.000		200.000	
1.10	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình.	2024-2025	1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	2.354.000		849.213		849.213		1.600.000	
1.11	Xây dựng đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần (đường QH N4), phường Tân Bình	2024-2025	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	3.349.000		-		-		2.000.000	
1.12	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, công và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	2023-2024	2476/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.409.000		6.699.436		6.699.436		200.000	
1.13	Cải tạo, nâng cấp mở rộng hẻm 588 (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến ngõ 1089) và Ngõ 1089 (đoạn từ ngã ba Suối Đá đến Suối Đá), phường Tân Xuân.	2024-2025	1730/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	25.000.000		4.864.000		4.864.000		14.000.000	
1.14	GPMB + Xây dựng đường Vành Đai (bên hông trường đào tạo và sát hạch lái xe) đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú	2024-2025	1744/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	15.500.000		5.324.000		5.324.000		1.500.000	
1.15	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài	2024-2025	1756/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	8.530.000		6.000.000		6.000.000		2.400.000	
1.16	Vận động GPMB đường QH số 39 phường Tân Phú	2024-2025	329/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	2.800.000		200.000		200.000		1.200.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.17	Nâng cấp, mở rộng hẻm 445	2023-2025	845/QĐ-UBND ngày25/8/2023	8.193.923		3.049.681		3.049.681		2.631.544	
1.18	Nâng cấp, mở rộng hẻm 245	2023-2024	682/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	4.252.000		4.204.799		4.204.799		17.890	
1.19	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lân Ông)	2023-2024	537/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	350.000		328.383		328.383		8.151	
1.20	Nâng cấp, mở rộng hẻm 393	2023-2024	892/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	5.698.000		5.195.729		5.195.729		230.492	
1.21	Nâng cấp, mở rộng hẻm 551	2023-2024	931/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	4.119.000		3.685.000		3.685.000		272.605	
1.22	Nâng cấp, mở rộng hẻm 401	2023-2024	947/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	6.893.000		6.018.192		6.018.192		444.775	
1.23	Xây dựng dãy phòng học, phòng học bộ môn trường THCS Tiên Hưng	2023-2024	959/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	12.600.000		11.090.000		11.090.000		905.953	
	Trong đó hoàn thành trong năm										
-	Xây dựng hoa viên khu Fafim cũ phường Tân Đồng	2024-2025	3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	800.000		43.159		43.159		700.000	
-	Sửa chữa hội trường UBND phường Tân Đồng	2024-2025	2370/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.660.000		996.000		996.000		600.000	
-	Xây dựng đường vào nhà văn hoá khu phố 5, phường Tân Đồng	2024-2025	3224/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.800.000		-		-		12.900.000	
-	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	2022-2024	2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.500.000		4.294.914		4.294.914		500.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Tân Đồng	2024-2025	3206/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200.000		-		-		3.000.000	
-	Sửa chữa hội trường, sân bê tông và trụ sở làm việc UBND phường Tân Thiện	2024-2025	2569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5.000.000		1.825.927		1.825.927		2.100.000	
-	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm từ đường QH số 2 đến suối Cạn, phường Tân Thiện	2023-2024	2474/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.440.000		2.653.000		2.653.000		1.501.000	
-	Sửa chữa hội trường B - UBND phường Tân Bình	2024-2025	2542/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.620.000		476.942		476.942		900.000	
-	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm 585 (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Võ Văn Tần), phường Tân Bình	2023-2024	2420/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.675.000		4.174.000		4.174.000		200.000	
-	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình.	2024-2025	1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	2.354.000		849.213		849.213		1.600.000	
-	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, cống và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	2023-2024	2476/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.409.000		6.699.436		6.699.436		200.000	
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài	2024-2025	1756/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	8.530.000		6.000.000		6.000.000		2.400.000	
-	Vận động GPMB đường QH số 39 phường Tân Phú	2024-2025	329/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	2.800.000		200.000		200.000		1.200.000	
-	Nâng cấp, mở rộng hẻm 445	2023-2025	845/QĐ-UBND ngày25/8/2023	8.193.923		3.049.681		3.049.681		2.631.544	

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lãng Ông) đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến đường ĐH 507	2024-2025	616/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.850.000		-		-		1.598.591	
-	Vận động GPMB đường vành đai 1 (đoạn từ KCN Đồng Xoài 3 đến dự án khu dân cư Tiến Hưng 2)	2024-2025	615/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	140.000		-		-		90.000	
-	Nâng cấp, mở rộng hẻm 461	2024-2025	614/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	5.100.000		-		-		3.400.000	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Danh mục dự án	Ước thực hiện năm 2025			Dự toán năm 2025		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+/-))	Thu	Chi	Chênh lệch (+/-))
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số	12.286.628	65.896.327	-53.609.699	12.286.628	65.896.327	-53.609.699
I	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-
II	Các hoạt động sự nghiệp	12.286.628	65.896.327	-53.609.699	12.286.628	65.896.327	-53.609.699
1	Chợ	5.365.564	5.365.564	0	5.365.564	5.365.564	0
2	Thu phí rác trên địa bàn	6.921.065	60.530.763	-53.609.699	6.921.065	60.530.763	-53.609.699

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
1	2	3	4
Tổng số thu	762.276.000	Tổng số chi	762.276.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	11.283.307	I. Chi đầu tư phát triển	66.901.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	11.093.000	II. Chi thường xuyên	662.361.693
III. Thu bổ sung	734.685.693	III. Nguồn tăng thu	2.829.307
- Bổ sung cân đối ngân sách	734.685.693	IV. Nguồn CCTL	14.684.000
- Bổ sung có mục tiêu	-	V. Dự phòng ngân sách	15.500.000
IV. Thu chuyển nguồn	5.214.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP được hưởng
A	B	1	2
	TỔNG THU NSNN: I+II+III	770.500.000	762.276.000
I	THU NỘI ĐỊA	30.600.307	22.376.307
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	0	0
-	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	16.350.000	8.126.000
-	Thuế giá trị gia tăng	16.350.000	8.126.000
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	0	0
-	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	0	0
-	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tài nguyên		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá, dịch vụ trong nước		
5	Thuế thu nhập cá nhân	0	0
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0
7	Lệ phí trước bạ	2.967.000	2.967.000
8	Thu phí, lệ phí	2.267.307	2.267.307
-	Phí và lệ phí trung ương		0
-	Phí và lệ phí tỉnh		0
-	Phí và lệ phí huyện		0
-	Phí và lệ phí xã, phường	2.267.307	2.267.307
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.200.000	8.200.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	0
12	Thu tiền sử dụng đất	0	0
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	
14	Thu khác ngân sách	816.000	816.000
II	THU CHUYỂN NGUỒN	5.214.000	5.214.000
III	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	734.685.693	734.685.693

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	762.276.000	66.901.000	695.375.000
1	Chi sự nghiệp kinh tế; VH-TT-TD-TT; Phát thanh TH	136.980.682	52.801.000	84.179.682
2	Chi sự nghiệp môi trường	15.000.000		15.000.000
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT	345.471.511		345.471.511
4	Chi sự nghiệp y tế	6.855.000		6.855.000
5	Chi đảm bảo xã hội	24.331.000		24.331.000
6	Chi quản lý hành chính	151.113.467		151.113.467
7	Chi an ninh	14.198.909	2.400.000	11.798.909
8	Chi quốc phòng	18.887.115		18.887.115
9	Chi khác	4.725.000		4.725.000
10	Nguồn tăng thu	2.829.307		2.829.307
11	Nguồn Cải cách tiền lương	14.684.000		14.684.000
12	Dự phòng ngân sách	27.200.000	11.700.000	15.500.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM THEO PHÂN CẤP CỦA TỈNH NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số			158.998.923		71.972.375		71.972.375		55.201.001	
1	Công trình chuyển tiếp			148.742.923		71.972.375		71.972.375		49.812.410	
1.1	Xây dựng hoa viên khu Fafim cũ phường Tân Đồng	2024-2025	3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	800.000		43.159		43.159		700.000	
1.2	Sửa chữa hội trường UBND phường Tân Đồng	2024-2025	2370/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.660.000		996.000		996.000		600.000	
1.3	Xây dựng đường vào nhà văn hoá khu phố 5, phường Tân Đồng	2024-2025	3224/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.800.000		-		-		12.900.000	
1.4	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	2022-2024	2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.500.000		4.294.914		4.294.914		500.000	
1.5	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Tân Đồng	2024-2025	3206/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200.000		-		-		3.000.000	
1.6	Sửa chữa hội trường, sân bê tông và trụ sở làm việc UBND phường Tân Thiện	2024-2025	2569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5.000.000		1.825.927		1.825.927		2.100.000	
1.7	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm từ đường QH số 2 đến suối Cạn, phường Tân Thiện	2023-2024	2474/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.440.000		2.653.000		2.653.000		1.501.000	
1.8	Sửa chữa hội trường B - UBND phường Tân Bình	2024-2025	2542/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.620.000		476.942		476.942		900.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.9	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm 585 (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Võ Văn Tần), phường Tân Bình	2023-2024	2420/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.675.000		4.174.000		4.174.000		200.000	
1.10	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình.	2024-2025	1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	2.354.000		849.213		849.213		1.600.000	
1.11	Xây dựng đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần (đường QH N4), phường Tân Bình	2024-2025	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	3.349.000		-		-		2.000.000	
1.12	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, cống và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	2023-2024	2476/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.409.000		6.699.436		6.699.436		200.000	
1.13	Cải tạo, nâng cấp mở rộng hẻm 588 (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến ngõ 1089) và Ngõ 1089 (đoạn từ ngã ba Suối Đá đến Suối Đá), phường Tân Xuân.	2024-2025	1730/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	25.000.000		4.864.000		4.864.000		14.000.000	
1.14	GPMB + Xây dựng đường Vành Đai (bên hông trường đào tạo và sát hạch lái xe) đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú	2024-2025	1744/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	15.500.000		5.324.000		5.324.000		1.500.000	
1.15	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài	2024-2025	1756/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	8.530.000		6.000.000		6.000.000		2.400.000	
1.16	Vận động GPMB đường QH số 39 phường Tân Phú	2024-2025	329/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	2.800.000		200.000		200.000		1.200.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.17	Nâng cấp, mở rộng hẻm 445	2023-2025	845/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	8.193.923		3.049.681		3.049.681		2.631.544	
1.18	Nâng cấp, mở rộng hẻm 245	2023-2024	682/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	4.252.000		4.204.799		4.204.799		17.890	
1.19	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lân Ông)	2023-2024	537/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	350.000		328.383		328.383		8.151	
1.20	Nâng cấp, mở rộng hẻm 393	2023-2024	892/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	5.698.000		5.195.729		5.195.729		230.492	
1.21	Nâng cấp, mở rộng hẻm 551	2023-2024	931/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	4.119.000		3.685.000		3.685.000		272.605	
1.22	Nâng cấp, mở rộng hẻm 401	2023-2024	947/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	6.893.000		6.018.192		6.018.192		444.775	
1.23	Xây dựng dãy phòng học, phòng học bộ môn trường THCS Tiến Hưng	2023-2024	959/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	12.600.000		11.090.000		11.090.000		905.953	
	Trong đó hoàn thành trong năm										
-	Xây dựng hoa viên khu Fafim cũ phường Tân Đồng	2024-2025	3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	800.000		43.159		43.159		700.000	
-	Sửa chữa hội trường UBND phường Tân Đồng	2024-2025	2370/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.660.000		996.000		996.000		600.000	
-	Xây dựng đường vào nhà văn hoá khu phố 5, phường Tân Đồng	2024-2025	3224/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.800.000		-		-		12.900.000	
-	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	2022-2024	2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.500.000		4.294.914		4.294.914		500.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Tân Đồng	2024-2025	3206/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200.000		-		-		3.000.000	
-	Sửa chữa hội trường, sân bê tông và trụ sở làm việc UBND phường Tân Thiện	2024-2025	2569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5.000.000		1.825.927		1.825.927		2.100.000	
-	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm từ đường QH số 2 đến suối Cạn, phường Tân Thiện	2023-2024	2474/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.440.000		2.653.000		2.653.000		1.501.000	
-	Sửa chữa hội trường B - UBND phường Tân Bình	2024-2025	2542/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.620.000		476.942		476.942		900.000	
-	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm 585 (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Võ Văn Tần), phường Tân Bình	2023-2024	2420/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.675.000		4.174.000		4.174.000		200.000	
-	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình.	2024-2025	1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	2.354.000		849.213		849.213		1.600.000	
-	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, cống và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	2023-2024	2476/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.409.000		6.699.436		6.699.436		200.000	
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài	2024-2025	1756/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	8.530.000		6.000.000		6.000.000		2.400.000	
-	Vận động GPMB đường QH số 39 phường Tân Phú	2024-2025	329/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	2.800.000		200.000		200.000		1.200.000	
-	Nâng cấp, mở rộng hẻm 445	2023-2025	845/QĐ-UBND ngày25/8/2023	8.193.923		3.049.681		3.049.681		2.631.544	

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị thực hiện đến 31/12/2024		Giá trị thanh toán đến 31/12/2024		Kế hoạch vốn năm 2025	
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán được duyệt							
				Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp	Tổng số	Trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lãng Ông) đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến đường ĐH 507	2024-2025	616/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.850.000		-		-		1.598.591	
-	Vân động GPMB đường vành đai 1 (đoạn từ KCN Đồng Xoài 3 đến dự án khu dân cư Tiến Hưng 2)	2024-2025	615/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	140.000		-		-		90.000	
-	Nâng cấp, mở rộng hẻm 461	2024-2025	614/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	5.100.000		-		-		3.400.000	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Danh mục dự án	Ước thực hiện năm 2025			Dự toán năm 2025		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+/-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+/-)
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số	12.286.628	65.896.327	-53.609.699	12.286.628	65.896.327	-53.609.699
I	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-
II	Các hoạt động sự nghiệp	12.286.628	65.896.327	-53.609.699	12.286.628	65.896.327	-53.609.699
1	Chợ	5.365.564	5.365.564	0	5.365.564	5.365.564	0
2	Thu phí rác trên địa bàn	6.921.065	60.530.763	-53.609.699	6.921.065	60.530.763	-53.609.699